TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Hiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Xuân Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Không tham gia.*

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2018 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1977
Địa chỉ: số 1017/34 đường H, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: C15/6 ấp 3, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1976
Địa chỉ: số 1017/34 đường H, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Ngọc T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73/KH/99 ngày 01/10/1999.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng cũng hạnh phúc. Nhưng sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, dù đã cố gắng nhiều lần hòa giải nhưng không được. Bà và ông Phạm Ngọc T đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Bà và hai con chung đã chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà ở C15/6 ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Nhật Tr, sinh ngày 16/6/2010 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/10/2001. Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhật Tr và Phạm Nguyễn Ngọc T, không yêu cầu Ông Phạm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T mặc dù được được Tòa án triệu tập hợp lệ để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tự khai, hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 73/KH/99 ngày 01/10/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thường, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị P thì trong quá trình chung sống, ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị P phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, dẫn đến việc bà P và ông T không còn chung sống với cùng nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay.

Cho thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài.

Phía ông T mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập đến Tòa án tự khai, hòa giải, xét xử nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Nhật Tr, sinh ngày 16/6/2010 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/10/2001 hiện đang sống với bà P.

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ Phạm Nhật Tr và Phạm Nguyễn Ngọc T; không yêu cầu ông T cấp dưỡng

nuôi con. Hai cháu Phạm Nhật Tr và Phạm Nguyễn Ngọc T cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T hoàn toàn không có ý kiến gì. Để đảm bảo cuộc sống bình thường của các trẻ, tránh xáo trộn về mặt tâm lý, đời sống học tập và tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà P. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Phạm Ngọc T. Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ Phạm Nhật Tr, sinh ngày 16/6/2010 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/10/2001 cho bà Nguyễn Thị P chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/KH/99 ngày 01/10/1999 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Ngọc T không còn hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028684 ngày 19/01/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị P đã đóng đủ tiền án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường 7, Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Bình Minh